TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 12-01-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Huỳnh Thị Tỏ**

+ Ông **Phạm Thành Công**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Không tham gia.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 331/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: **Đỗ Thị S**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện ủy quyền: **Đỗ Thị Thu N**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh T (có mặt).

***** Bị đơn: **Trương Văn P,** sinh năm xxxx;

Trần Huỳnh H, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp G xã B, huyện G, tỉnh T(vắng mặt).

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đỗ Hiếu L,** sinh năm xxxx;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T (xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*** Vào năm 2018 bà S có bán thức ăn chăn nuôi cho anh P, chị H đến ngày 01/01/2021. Hai bên không có làm hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận miệng với hình thức gói đầu là bà S bán thức ăn cho anh P, chị H đến khi xuất chuồng bán gà thì anh P, chị H thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi cho bà S. Đến ngày 01/01/2021 giữa bà S với anh P, chị H có đối chiếu lại số tiền anh P, chị H còn nợ tiền mua thức ăn chăn nuôi của bà S với số tiền tổng cộng là 244.548.000 đồng. Hai bên có làm "GIẤY XÁC NHẬN CÔNG NỢ" ngày 01/01/2021, anh P và chị H có ký tên vào giấy xác nhận công nợ. Nhưng khi xuất chuồng bán gà đến nay anh P, chị H không thanh toán đủ tiền mua thức ăn chăn nuôi cho bà S. Nhiều lần bà S yêu cầu anh P, chị H trả tiền cho bà S nhưng anh P và chị H chỉ hứa trả chứ không trả số tiền nào cho bà S.

Nay bà S yêu cầu anh P, chị H liên đới trả số tiền là 244.548.000 đồng, bà S yêu cầu tính lãi kể từ ngày 01/01/2021 đến khi Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,83% (tiền lãi tạm tính là 40.594.968 đồng), trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Trương Văn P trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là tôi có mua thức ăn chăn nuôi gà của bà S. Anh có nợ bà S số tiền 244.548.000 đồng. GIẤY XÁC NHẬN CÔNG NỢ" ngày 01/01/2021 do bà S cung cấp là do anh ký tên và chị H ký tên.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà S yêu cầu anh và chị H trả số tiền 244.548.000 đồng thì anh đồng ý. Nhưng do kinh tế khó khăn nên anh xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bị đơn chị Trần Huỳnh H trình bày: Việc mua bán thức ăn chăn nuôi là giữa bà S và anh P, chị có ký nhận giùm anh P khi bà S giao thức ăn chăn nuôi khi không có mặt anh P. "GIẤY XÁC NHẬN CÔNG NỢ" ngày 01/01/2021 do bà S cung cấp là do chị ký tên và anh P ký tên do bà S kêu chị ký tên vào. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà S yêu cầu chị và anh P trả số tiền 244.548.000 đồng thì chị đồng ý. Nhưng do kinh tế khó khăn nên chị xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hiếu L trình bày: Ông là chồng của bà S. Ngày 01/01/2021, anh P và chị H có ký tên vào giấy xác nhận công nợ là còn nợ số tiền 244.548.000 đồng, lúc đó ông cùng bà S ký tên vào biên nhận. Việc mua bán thức ăn chăn nuôi do bà S đứng tên giấy phép kinh doanh nên ông để bà S khởi kiện anh P, chị H, ông không có ý kiến gì và yêu cầu gì trong vụ án này. Ông xin vắng mặt và xin không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà S có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh P, chị H liên đới trả cho bà S số tiền là 244.548.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh P và chị H vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hiếu L xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh P, chị H trả số tiền số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ là 244.548.000 đồng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về "Hợp đồng mua bán tài sản".

Bị đơn anh P, chị H trú tại ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu N trình bày và nộp đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S. Yêu cầu yêu cầu anh P, chị H liên đới trả cho bà S số tiền là 244.548.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Bị đơn anh P, chị H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh P, chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P và chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liêm có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Liêm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S yêu anh P, chị H liên đới trả số tiền là 244.548.000 đồng. Thực tế hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi bằng miệng giữa bà S với anh P, chị H đã được xác lập trên cở sở hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà S đã hoàn thành việc giao thức ăn chăn nuôi cho anh P, chị H nhưng khi xuất chuồng thì anh P, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho bà S. Anh P, chị H thừa nhận nợ còn nợ tiền thức ăn chăn nuôi của bà S số tiền 244.548.000 đồng. Như vậy, anh P, chị H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng mua bán tài sản nên bà S yêu cầu anh P, chị H thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở. Theo quy định khoản 1 Điều 351, đoạn 1 Điều 430, Điều 431, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà S về yêu cầu anh P, chị H trả số tiền 244.548.000 đồng.

[5] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật, còn anh P, chị H xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở vì số tiền này anh P, chị H để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S nên cần buộc anh P, chị H trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 224, điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 288, khoản 1 Điều 351, khoản 1 Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

Buộc anh Trương Văn P và chị Trần Huỳnh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đỗ Thị S số tiền **244.548.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng)**.** Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P, chị H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh P, chị H còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Anh P, chị H phải chịu **12.227.400 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với anh P vắng mặt được tính từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên